CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Tháng 03 năm 2018

Signature Not Verified
Ký bởi: TRƯƠNG VIỆT HOÀN
Ký ngày: 31/3/2018 23:09:43

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2017 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Chung	Chủ tịch	
Ông Trần Thanh Hiệp	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	
Ông Tôn Thiện Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/12/2017
Ông Phạm Uyên Nguyên	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Ông Kiều Việt Cường	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Vương Huynh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/07/2017
Ông Trịnh Hải Lý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/07/2017
Ông Nguyễn Hữu Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/07/2017
Ông Lê Văn Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/07/2017

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Trung	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/8/2017
Ông Trần Thanh Hiệp	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/8/2017
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/12/2017
Ông Trần Thanh Hữu	Phó Tổng giám đốc	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện phát sinh nào khác sau ngày 31/12/2017 có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về quy định quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, kể từ ngày 01/08/2017 Công ty áp dụng Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 171/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0102381001 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Hữu Trung
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Số: 202/2018/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31/03/2018, từ trang 06 đến trang 41 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa trích lập dự phòng tổn thất tài sản đối với dự án Nhà máy chế biến bột đá Nam Cấm, Nghệ An theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 12/04/2016 có giá trị thanh lý nhỏ hơn sổ sách số tiền là 5.839.263.554 đồng. Nếu Công ty dự phòng thì Chỉ tiêu "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" (mã số 242) trên bảng Cân đối kế toán giảm 5.839.263.554 đồng, Chỉ tiêu: "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước" Mã số 421b trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 giảm 5.839.263.554 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Một số khoản công nợ phải trả người bán số tiền 3.767.400.125 đồng, tạm ứng số tiền 9.806.516.234 đồng chưa được đối chiếu đến thời điểm 31/12/2017 và cho đến thời điểm lập báo cáo này. Bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung, thay thế, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ý kiến về số dư công nợ phải trả, đánh giá khả năng thu hồi các khoản tạm ứng nêu trên tại ngày 31/12/2017 và ảnh hưởng của các vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán là 146.293.419.609 đồng đã vượt quá Tài sản ngắn hạn 107.207.776.965 đồng trong đó các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đến hạn trả trong năm 2018 là 72.245.624.337 đồng. Đồng thời, khoản lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2017 trên Bảng cân đối kế toán là 150.365.430.830 đồng. Vấn đề này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Giải pháp để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty được Ban Tổng Giám đốc trình bày tại Thuyết minh số 30.3 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
UHY
MSDN: 0102021062
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Minh Long	**Mai Việt Hùng**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1	Giấy ĐKHN Kiểm toán số 2334-2018-112- 1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**39.085.642.644**	**192.920.855.758**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**35.815.121**	**2.220.869.999**
Tiền	111		35.815.121	2.220.869.999
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**30.551.351.489**	**158.579.363.055**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	30.903.928.735	68.978.042.257
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		39.890.160.147	50.260.047.804
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	2.211.000.000	2.211.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	40.901.367.709	42.312.756.337
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(83.355.105.102)	(5.182.483.343)
Hàng tồn kho	**140**	**10**	**8.262.496.294**	**26.319.954.652**
Hàng tồn kho	141		15.501.797.516	26.319.954.652
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.239.301.222)	-
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**235.979.739**	**5.800.668.052**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	32.666.666	62.100.125
Thuế GTGT được khấu trừ	152		203.313.073	5.738.567.927
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**218.530.830.882**	**235.880.776.337**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**31.406.849.765**	**31.406.849.765**
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	723.287.361	723.287.361
Phải thu dài hạn khác	216	8	31.406.849.765	31.406.849.765
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(723.287.361)	(723.287.361)
Tài sản cố định	**220**		**125.575.014.737**	**127.384.449.837**
Tài sản cố định hữu hình	221	12	118.287.723.049	119.764.658.148
- Nguyên giá	*222*		*139.533.620.081*	*138.378.143.485*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(21.245.897.032)*	*(18.613.485.337)*
Tài sản cố định vô hình	227	13	7.287.291.688	7.619.791.689
- Nguyên giá	*228*		*9.975.000.000*	*9.975.000.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(2.687.708.312)*	*(2.355.208.311)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**39.793.258.574**	**52.281.385.469**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	39.793.258.574	52.281.385.469
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**11**	**4.021.302.212**	**-**
Đầu tư vào công ty con	251		4.613.494.133	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(592.191.921)	-
Tài sản dài hạn khác	**260**		**17.734.405.594**	**24.808.091.266**
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	17.734.405.594	24.808.091.266
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**257.616.473.526**	**428.801.632.094**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**243.922.792.210**	**296.507.485.260**
Nợ ngắn hạn	**310**		**146.293.419.609**	**192.788.112.659**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	7.476.133.431	9.544.640.712
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.960.758.965	6.006.537.630
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	29.179.987.089	35.105.098.727
Phải trả người lao động	314		67.771.168	1.473.602.020
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	26.560.024.011	54.514.113.594
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	4.801.568.608	7.376.464.849
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	72.245.624.337	78.766.103.127
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.552.000	1.552.000
Nợ dài hạn	**330**		**97.629.372.601**	**103.719.372.601**
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	97.629.372.601	103.719.372.601
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**13.693.681.316**	**132.294.146.834**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**13.693.681.316**	**132.294.146.834**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*160.000.000.000*	*160.000.000.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.167.767.978	3.167.767.978
Quỹ đầu tư phát triển	418		891.344.168	891.344.168
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(150.365.430.830)	(31.764.965.312)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(31.764.965.312)*	*15.517.062.646*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*(118.600.465.518)*	*(47.282.027.958)*
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**257.616.473.526**	**428.801.632.094**

Nguyễn Hữu Trung	**Trần Thị Hiền**	**Trần Thị Hiền**
Tổng Giám đốc	**Phụ trách Kế toán**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**21**	**29.631.374.782**	**4.003.452.192**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**29.631.374.782**	**4.003.452.192**
Giá vốn hàng bán	**11**	**22**	**26.215.127.116**	**7.774.813.075**
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**3.416.247.666**	**(3.771.360.884)**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.675.311	56.307.074
Chi phí tài chính	22	24	18.699.067.185	8.947.878.151
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*15.892.558.550*	*8.881.932.017*
Chi phí bán hàng	25	25	1.037.821.344	1.035.169.424
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	77.863.965.037	9.536.922.505
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(94.182.930.589)**	**(23.235.023.890)**
Thu nhập khác	31	26	4.652.728.130	289.074.995
Chi phí khác	32	27	29.070.263.059	24.336.079.063
Lợi nhuận khác	**40**		**(24.417.534.929)**	**(24.047.004.068)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(118.600.465.518)**	**(47.282.027.958)**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**(118.600.465.518)**	**(47.282.027.958)**

M.S.D.N: 0102381001 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM ★ Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Hữu Trung	**Trần Thị Hiền**	**Trần Thị Hiền**
Tổng Giám đốc	**Phụ trách Kế toán**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	**01**	**(118.600.465.518)**	**(47.282.027.958)**
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11.106.747.232	7.686.876.204
Các khoản dự phòng	03	86.004.114.902	3.524.305.760
Lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	65.778.087
Lỗ/(Lãi) hoạt động đầu tư	05	9.026.408.287	(200.000.000)
Chi phí lãi vay	06	15.892.558.550	8.881.932.017
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***3.429.363.452***	***(27.323.135.890)***
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	41.640.160.660	(552.860.917)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	8.802.632.603	(4.473.461.128)
(Giảm) các khoản phải trả	11	(56.075.502.952)	(9.633.360.073)
Giảm chi phí trả trước	12	7.103.119.131	972.188.133
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.760.750.678)	(6.298.767.902)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(744.053.306)	(73.337.955)
Thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	816.740.296	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(341.920.955)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***1.869.788.252***	***(47.382.735.731)***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.598.554.052)	(10.158.643.082)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	13.659.514.401	5.950.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.507.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.675.311	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***8.555.635.660***	***(4.208.643.082)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	28.013.210.868	102.368.010.811
Tiền trả nợ gốc vay	34	(40.623.689.658)	(48.576.695.731)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(12.610.478.790)***	***53.791.315.080***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(2.185.054.878)**	**2.199.936.267**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**2.220.869.999**	**20.904.139**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	29.593
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**35.815.121**	**2.220.869.999**

Nguyễn Hữu Trung	**Trần Thị Hiền**	**Trần Thị Hiền**
Tổng Giám đốc	**Phụ trách Kế toán**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102381001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13 tháng 9 năm 2017.

Vốn điều lệ là 160.000.000.000 đồng.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: CMI.

Trụ sở chính của Công ty theo đăng ký đặt tại: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Hiện nay Công ty đã chuyển văn phòng giao dịch về địa chỉ: Số 9, ngõ 72 Phố Hoa Bằng, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá, khai thác cát sỏi, khai thác đất sét;
- Khai thác quặng sắt; khai thác và thu gom than cứng; khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Chi tiết: khai thác quặng, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krom, niken, coban, molypden, tantali, vanadi;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên và các chất phụ gia khác; khai thác đá quý, bột thạch anh mica…; khai thác đá vôi trắng ($CaCO_3$));
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác như: bán buôn phương tiện vận tải, bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn bất động sản; quảng cáo bất động sản; quản lý bất động sản;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; cho thuê máy móc thiết bị văn phòng; cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác như: dụng cụ máy, thiết bị đo lường và điều khiển; máy móc công nghiệp; cho thuê container;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Công ty là: Sản xuất đá nhân tạo (tại nhà máy Nghĩa đàn, Nghệ An) và hoạt động cung cấp và thi công đá ốp lát cho dự án.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC CÔNG TY

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Đầu tư vào Công ty con			
Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam	Khai thác đá, cát, sỏi, đất xét	100%	100%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ban hành ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm 2017. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; Hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 17/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định , Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi và bổ sung Thông tư số 147/2016/TT-BTC .

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giấy phép khai thác mỏ. Nguyên giá của tài sản vô hình bao gồm toàn bộ các chi phsi đã phát sinh để có được giấy phép khai thác mỏ. Giấy phép khai thác được khấu hao trong vòng 30 năm.

3.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, các chi phí phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một các chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

3.10 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, các công ty tham gia liên doanh và các công ty do các bên tham gia liên doanh đầu tư và chi phối. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

Mối quan hệ với bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Siêu thị Thuốc Việt	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào	Cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	Cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và đầu tư Hoàng Long	Cùng thành viên Ban Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	118.224	27.973.806
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.696.897	2.192.896.193
	35.815.121	**2.220.869.999**

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long (bên liên quan) vay không tính lãi, chưa có hợp đồng số tiền: 2.211.000.000 đồng. Đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100%.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	**32.666.666**	**62.100.125**
- Chi phí mua bảo hiểm	-	17.951.076
- Công cụ dụng cụ phân bổ	2.666.666	44.149.049
- Chi phí tiền thuê VP	30.000.000	-
Dài hạn	**17.734.405.594**	**24.808.091.266**
- Chi phí mua bảo hiểm	-	3.966.671
- Công cụ dụng cụ phân bổ	213.671.769	610.052.262
- Chi phí giải phóng mặt bằng (*)	17.520.733.825	24.194.072.333
	17.767.072.260	**24.870.191.391**

(*) Chi phí giải phóng mặt bằng của nhà máy CMISTONE Việt Nam tại Nghĩa Đàn được phân bổ trong 17 năm, giá trị phân bổ còn lại tại ngày 31/12/2017: 14.708.603.002 đồng, và Chi phí giải phóng mặt bằng liên quan đến mỏ sắt Chấn Hưng, Yên Bái, giá trị phân bổ còn lại tại ngày 31/12/2017: 2.812.130.822 đồng.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	**30.903.928.735**	**(22.748.436.097)**	**68.978.042.257**	**-**
- Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta	4.394.096.401	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam (Yên Bái)	8.540.637.352	(8.540.637.352)	53.892.725.040	-
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam	1.180.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkring	2.610.148.029	(2.610.148.029)	2.610.148.029	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Hưng Thịnh	9.315.527.734	(9.315.527.734)	9.315.527.734	-
- Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nghệ An	1.333.166.392	(1.333.166.392)	1.333.166.392	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.530.352.827	(948.956.590)	1.826.475.062	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	**723.287.361**	**(723.287.361)**	**723.287.361**	**(723.287.361)**
- Công ty Cổ phần Thuỷ điện Đăkring	723.287.361	(723.287.361)	723.287.361	(723.287.361)
	31.627.216.096	**(23.471.723.458)**	**69.701.329.618**	**(723.287.361)**
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam (Yên Bái)	8.540.637.352	(8.540.637.352)	53.892.725.040	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**40.901.367.709**	**(18.779.521.681)**	**42.312.756.337**	**(2.269.894.717)**
- Tạm ứng cho CBCNV	21.949.448.156	-	25.101.450.773	-
- Ký cược, ký quỹ	136.259.147	-	136.259.147	-
- Các khoản phải thu khác	18.779.713.681	(18.779.521.681)	17.075.046.417	(2.269.894.717)
+ Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam (Yên Bái)	*8.123.395.577*	*(8.123.395.577)*	*8.014.304.668*	-
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	*3.262.249.836*	*(3.262.249.836)*	*3.262.249.836*	-
+ Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào	*971.106.250*	*(971.106.250)*	*968.281.250*	-
+ Ông Nguyễn Huy Liêm	*1.383.313.839*	*(1.383.313.839)*	*1.383.313.839*	*(1.383.313.839)*
+ Công ty Cổ phần xây dựng Vạn Xuân	*561.817.600*	*(561.817.600)*	*561.817.600*	
+ Công ty TNHH Cavico Khoáng sản Lào	*567.614.400*	*(567.614.400)*	*567.614.400*	-
+ Phải thu các đối tượng khác	*3.946.162.904*	*(3.910.024.179)*	*2.317.464.824*	*(886.580.878)*
Dài hạn	**31.406.849.765**	**-**	**31.406.849.765**	**-**
- Các khoản phải thu khác	29.998.674.680	-	29.998.674.680	-
+ Ông Trần Thanh Hiệp (1)	*8.809.000.000*	-	*8.809.000.000*	-
+ Ông Nguyễn Văn Hùng (1)	*1.200.000.000*	-	*1.200.000.000*	-
+ Ông Nguyễn Đức Mạnh (1)	*1.200.000.000*	-	*1.200.000.000*	-
+ Ông Trần Thanh Hữu (1)	*1.200.000.000*	-	*1.200.000.000*	-
+ Ông Nguyễn Hữu Trung (1)	*1.200.000.000*	-	*1.200.000.000*	-
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn (2)	*16.389.674.680*	-	*16.389.674.680*	-
- Ký cược, ký quỹ	1.408.175.085	-	1.408.175.085	-
	72.308.217.474	**(18.779.521.681)**	**73.719.606.102**	**(2.269.894.717)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác là các bên liên quan				
- Khoản phải thu khác ngắn hạn	**12.356.751.663**	**(12.356.751.663)**	**12.244.835.754**	-
+ Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam (Yên Bái)	8.123.395.577	(8.123.395.577)	8.014.304.668	-
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	3.262.249.836	(3.262.249.836)	3.262.249.836	-
+ Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào	971.106.250	(971.106.250)	968.281.250	-
- Khoản tạm ứng	**21.229.769.307**	-	**21.976.101.982**	-
Ông Trần Thanh Hiệp	5.273.245.838	-	5.977.359.615	-
Ông Trần Thanh Hữu	1.821.642.321	-	1.840.842.129	-
Ông Nguyễn Hữu Trung	3.562.390.121	-	3.562.390.121	-
Ông Nguyễn Văn Hùng	9.786.017.164	-	9.786.017.164	-
Ông Lê Văn Phương (BKS)	743.092.833	-	715.823.353	-
Ông Kiều Việt Cường (BKS)	43.381.030	-	93.669.600	-
- Dài hạn	**29.998.674.680**	-	**29.998.674.680**	-
+ Ông Trần Thanh Hiệp (1)	8.809.000.000	-	8.809.000.000	-
+ Ông Nguyễn Văn Hùng (1)	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
+ Ông Nguyễn Đức Mạnh (1)	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
+ Ông Trần Thanh Hữu (1)	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
+ Ông Nguyễn Hữu Trung (1)	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn (2)	16.389.674.680	-	16.389.674.680	-

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01NQ/ĐHĐCĐTN/CMI-2016 ngày 30/06/2016 đã thông qua việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng Quản trị đứng tên vay vốn để thành lập Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào, mua 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và dịch vụ Hoành Sơn, Công ty Cổ phần Xây dựng Vạn Xuân và chỉ được chuyển nhượng dự án, cổ phần này cho Công ty. Đến nay, Hội đồng Quản trị vẫn đang trong quá trình thực hiện công việc này.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(2) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/HĐHTĐT/CMI -2014 ngày 01/11/2014 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Công nghiệp thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn, Công ty dự kiến góp vốn 25 tỷ đồng để cùng đầu tư xây dựng, lắp đặt, khai thác trạm tuyển chế biến Mỏ quặng sắt tại thôn Làng Hồ, xã Hướng Sơn, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Thời gian hợp đồng từ 01/11/2014 đến khi hết hiệu lực của Giấy phép Khai thác mỏ. Công ty được hưởng 85% lợi nhuận sản xuất kinh doanh. Thực tế, Công ty đã góp 16.389.674.680 đồng bằng quyền đòi nợ các đối tác và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cavico Lan. Đến ngày 31/12/2016 và cho đến nay, Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn vẫn chưa được cấp gia hạn Giấy phép khai thác mỏ, Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam vẫn chưa nộp đủ số vốn góp thiếu theo hợp đồng.

9. NỢ XẤU

	31/12/2017			01/01/2017		
	Thời gian quá hạn	**Giá gốc**	**Giá trị có thể thu hồi VND**	**Thời gian quá hạn**	**Giá gốc**	**Giá trị có thể thu hồi VND**
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	Trên 3 năm	2.299.102.342	-	Trên 3 năm	88.102.342	-
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐăkRing	Trên 3 năm	3.333.435.390	-	Trên 3 năm	3.333.435.390	-
Ông Nguyễn Huy Liêm	Trên 3 năm	1.383.313.839	-	Trên 3 năm	1.383.313.839	-
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	Trên 3 năm	44.136.110.246	-		-	-
Công ty Cổ phần công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	Trên 3 năm	5.287.917.556	-		-	-
Các tổ chức và cá nhân khác		27.638.513.090	-		1.367.217.560	266.298.427
	Dưới 1 năm	*2.837.548.921*	-	*Dưới 1 năm*	*26.020.000*	*18.214.000*
	Từ 1 đến 2 năm	*1.510.448.793*	-	*Từ 1 đến 2 năm*	*279.753.264*	*147.637.779*
	Từ 2 đến 3 năm	*717.337.290*	-	*Từ 2 đến 3 năm*	*320.327.704*	*100.446.648*
	Trên 3 năm	*22.573.178.086*	-	*Trên 3 năm*	*741.116.592*	-
		84.078.392.463	-		**6.172.069.131**	**266.298.427**

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	384.497.675	(384.497.675)	4.299.336.517	-
Công cụ, dụng cụ	114.330.301	(73.180.301)	137.427.997	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.979.470.605	(595.615.601)	13.834.124.991	-
Thành phẩm	7.023.498.935	(6.186.007.645)	7.983.200.129	-
Hàng hóa	-	-	65.865.018	-
	15.501.797.516	**(7.239.301.222)**	**26.319.954.652**	**-**

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	**4.613.494.133**	**(592.191.921)**	**4.021.302.212**	**-**	**-**	**-**
Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam	4.613.494.133	(592.191.921)	4.021.302.212	-	-	-
	4.613.494.133	**(592.191.921)**	**4.021.302.212**	**-**	**-**	**-**

Nghành nghề kinh doanh chính		31/12/2017		01/01/2017	
		Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Đầu tư vào công ty con					
Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam	Khai thác đá, cát, sỏi, đất xét	100%	100%	0%	0%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2017	**25.076.882.742**	**98.890.087.693**	**10.004.974.101**	**4.406.198.949**	**138.378.143.485**
- Đầu tư XDCB hoàn thành	9.738.419.004	2.536.664.227	-	-	12.275.083.231
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.161.052.782)	(6.958.553.853)	-	(11.119.606.635)
31/12/2017	**34.815.301.746**	**97.265.699.138**	**3.046.420.248**	**4.406.198.949**	**139.533.620.081**
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2017	**(796.936.864)**	**(13.559.702.174)**	**(4.185.130.099)**	**(71.716.200)**	**(18.613.485.337)**
- Khấu hao trong kỳ	(1.409.633.897)	(8.094.977.708)	(1.199.068.674)	(215.148.610)	(10.918.828.889)
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.587.216.193	4.699.201.001	-	8.286.417.194
31/12/2017	**(2.206.570.761)**	**(18.067.463.689)**	**(684.997.772)**	**(286.864.810)**	**(21.245.897.032)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2017	**24.279.945.878**	**85.330.385.519**	**5.819.844.002**	**4.334.482.749**	**119.764.658.148**
31/12/2017	**32.608.730.985**	**79.198.235.449**	**2.361.422.476**	**4.119.334.139**	**118.287.723.049**

- Tại ngày 31/12/2017, Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 230.045.454 đồng
- Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để cầm cố thế chấp cho các khoản vay là: 118.039.619.856 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2017	**9.975.000.000**	**9.975.000.000**
31/12/2017	**9.975.000.000**	**9.975.000.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2017	**(2.355.208.311)**	**(2.355.208.311)**
- Khấu hao trong năm	(332.500.000)	(332.500.000)
31/12/2016	**(2.687.708.312)**	**(2.687.708.312)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2017	**7.619.791.689**	**7.619.791.689**
31/12/2017	**7.287.291.688**	**7.287.291.688**

Tài sản cố định vô hình là Giấy phép khai thác mỏ đá tại Quỳ Hợp, Nghệ An có thời hạn 30 năm.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Xây dựng cơ bản	**39.793.258.574**	**52.281.385.469**
Dự án mỏ Quỳ Hợp	13.639.104.645	13.639.104.645
Nhà máy chế biến bột đá (*)	11.589.263.554	11.589.263.554
Dự án Bất động sản Mễ Trì	6.865.234.524	6.865.234.524
Nhà máy Đá Nhân tạo (Nghĩa Đàn)	41.532.741	6.598.155.326
Dự án Vũng Áng	7.539.314.920	7.459.627.420
Nhà máy đá Siêu mịn (**)	-	6.130.000.000
Xây dựng bãi chứa nguyên liệu	118.808.190	-
	39.793.258.574	**52.281.385.469**

(*) Nhà máy Chế biến bột đá: Hợp đồng chuyển nhượng ngày 12/04/2016 với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng về việc chuyển nhượng các hạng mục đã đầu tư trên lô đất C14, C15, khu C, Khu công nghiệp Nam Cấm, tỉnh Nghệ An (thuộc dự án Nhà máy Calcium Carbonate của Công ty Cổ phần Cavico Khoáng sản và Công nghiệp nay là Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (CMI). Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng đã chuyển ứng 100% giá trị hợp đồng với số tiền 5.750.000.000 đồng, tuy nhiên, đến nay hai bên chưa hoàn thành việc chuyển giao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	**7.476.133.431**	**7.476.133.431**	**9.544.640.712**	**9.544.640.712**
- Guangzhou honesty trading Co., Ltd	2.018.685.000	2.018.685.000	2.018.685.000	2.018.685.000
- Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng Công nghiệp	721.304.958	721.304.958	1.571.304.958	1.571.304.958
- Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Công nghiệp Đông Nam	1.406.756.410	1.406.756.410	1.446.756.410	1.446.756.410
- Đội thi công Vũng Áng	467.974.965	467.974.965	467.974.965	467.974.965
- Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Quốc Bảo	-	-	302.600.000	302.600.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	209.000.000	209.000.000	209.000.000	209.000.000
- Công ty TNHH Thịnh Gia	518.591.423	518.591.423	150.028.960	150.028.960
- Các đối tượng khác	2.133.820.675	2.133.820.675	3.378.290.419	3.378.290.419
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	7.476.133.431	**7.476.133.431**	**9.544.640.712**	**9.544.640.712**
Phải trả người bán là các bên liên quan	**3.755.600**	**3.755.600**	**5.700.600**	**5.700.600**
- Công ty Cổ phần Siêu thị Thuốc Việt	3.755.600	3.755.600	5.700.600	5.700.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	5.181.058.332	4.118.094.084	9.299.152.416	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.891.367.629	-	744.053.306	14.147.314.323
- Thuế thu nhập cá nhân	981.749.199	-	-	981.749.199
- Thuế tài nguyên	7.654.002.971	-	-	7.654.002.971
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	86.426.667	86.426.667	-
- Các loại thuế khác	7.607.056	15.628.993	15.628.993	7.607.056
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.389.313.540	-	-	6.389.313.540
	35.105.098.727	**4.220.149.744**	**10.145.261.382**	**29.179.987.089**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	**26.560.024.011**	**54.514.113.594**
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn - tiền mua quặng	-	11.347.966.755
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam - tiền thuê thiết bị	-	13.897.708.813
- Chi phí lãi vay phải trả	25.716.698.581	12.584.890.709
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng thương mại Hà Thái - chi phí vận chuyển và chế biến quặng	-	14.344.359.478
- Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	843.325.430	2.339.187.839
Dài hạn	-	-
	26.560.024.011	**54.514.113.594**

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	**4.801.568.608**	**7.376.464.849**
- Kinh phí công đoàn	121.656.904	114.579.904
- Bảo hiểm xã hội	2.454.733.427	2.291.388.126
- Bảo hiểm y tế	90.910.190	72.554.875
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.385.832	-
- Phải trả về cổ phần hóa	123.002.409	123.002.409
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.003.879.846	4.774.939.535
+ Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam (Yên Bái)	-	*3.388.047.802*
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	*2.003.879.846*	*572.527.000*
Dài hạn	-	-
	4.801.568.608	**7.376.464.849**
Phải trả bên liên quan		
+ Công ty CP XK&KT khoáng sản Việt Nam (Yên Bái)	-	*3.388.047.802*
+ Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam	*496.901.270*	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	**72.245.624.337**	**72.245.624.337**	**34.204.695.868**	**40.725.174.658**	**78.766.103.127**	**78.766.103.127**
Vay ngắn hạn	***50.977.624.337***	***50.977.624.337***	***28.114.695.868***	***40.725.174.658***	***63.588.103.127***	***63.588.103.127***
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An (1)	3.372.550.746	3.372.550.746	-	-	3.372.550.746	3.372.550.746
Công ty Cổ phần Siêu thị Thuốc Việt (2)	3.564.036.239	3.564.036.239	-	56.500.000	3.620.536.239	3.620.536.239
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác khoáng sản Việt Nam (2)	-	-	-	3.820.097.562	3.820.097.562	3.820.097.562
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Hà Thái	-	-	-	4.150.000.000	4.150.000.000	4.150.000.000
Công TNHH đầu tư Đại Gia Phát (3)	816.375.451	816.375.451	15.233.965.868	14.952.590.417	535.000.000	535.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (4)	14.623.814.257	14.623.814.257	-	2.314.514.400	16.938.328.657	16.938.328.657
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Đông Hà Nội (5)	26.764.000.000	26.764.000.000	12.723.000.000	12.919.266.379	26.960.266.379	26.960.266.379
Vay ngắn hạn cá nhân (6)	1.836.847.644	1.836.847.644	157.730.000	2.512.205.900	4.191.323.544	4.191.323.544
Vay dài hạn đến hạn trả	***21.268.000.000***	***21.268.000.000***	***6.090.000.000***	***-***	***15.178.000.000***	***15.178.000.000***
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (7)	12.768.000.000	12.768.000.000	2.590.000.000	-	10.178.000.000	10.178.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Đông Hà Nội (8)	8.500.000.000	8.500.000.000	3.500.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Vay dài hạn	**97.629.372.601**	**97.629.372.601**	**-**	**6.090.000.000**	**103.719.372.601**	**103.719.372.601**
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (7)	21.129.372.601	21.129.372.601	-	2.590.000.000	23.719.372.601	23.719.372.601
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Đông Hà Nội (8)	76.500.000.000	76.500.000.000	-	3.500.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
	169.874.996.938	**169.874.996.938**	**34.204.695.868**	**46.815.174.658**	**182.485.475.728**	**182.485.475.728**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ với bên liên quan						
Công ty Cổ phần Siêu thị Thuốc Việt	3.564.036.239	3.564.036.239	-	56.500.000	3.620.536.239	3.620.536.239
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác khoáng sản Việt Nam	-	-	-	3.820.097.562	3.820.097.562	3.820.097.562
Ông Trần Thanh Hiệp	939.085.044	939.085.044	3.400.000	87.000.000	1.022.685.044	-
Ông Trần Thanh Hữu	449.401.600	449.401.600	98.685.000	103.560.900	454.277.500	-
Ông Nguyễn Hữu Trung	434.000.000	434.000.000	-	-	434.000.000	-
Ông Hoàng Anh Trung	-	-	-	1.960.000.000	1.960.000.000	-

(1) Khoản hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-21062010/HTĐT-CVCSM-TAS ký ngày 21/06/2010 và Phụ lục hợp đồng số 01 ký ngày 21/02/2011, Mục đích: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An góp tiền cho Công ty CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp (nay là Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam) để Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam làm đại diện sử dụng số tiền góp này để đầu tư chứng khoán, Lãi suất phải trả năm 2012 là 21,6%/năm, Thời hạn hợp đồng 26/07//2011. Hiện nay Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng Mã số thuế do đó Công ty không thực hiện đối chiếu được khoản công nợ này.

(2) Khoản vay các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không tính lãi.

(3) Khoản vay Công TNHH đầu tư Đại Gia Phát không có tài sản đảm bảo, lãi suất theo lãi cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Đông Hà Nội.

(4) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo Hợp đồng tín dụng số 1450LV201600205 ký ngày 15/04/2016 với điều khoản: Hạn mức 23.500.000.000 đồng, Thời hạn 12 tháng, Mục đích vayBổ sung vốn lưu động, Lãi suất Theo từng lần nhận nợ, Tài sản đảm bảo: Đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp: 1450-LCP-200801759; 1450-LCP-201100081; 1450-LCP-201300246; 1450-LCP-201500291.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(5) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Đống Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1420-LAV-201600050 ký ngày 04/02/2016 với điều khoản: Hạn mức 35.000.000.000 đồng, Thời hạn hiệu lực 12 tháng, Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, Lãi suất Theo từng lần nhận nợ, Tài sản đảm bảo: là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng, các công trình thuộc nhà máy CMISTONE Việt Nam.

(6) Khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo, không tính lãi.

(7) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo các Hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201500035 ký ngày 22/01/2015 với điều khoản
  Hạn mức: 3.150.000.000 đồng;
  Thời hạn hiệu lực: 48 tháng;
  Mục đích vay: Mua 01 máy xúc lật, 06 xe ô tô Dongfeng;
  Lãi suất: Lãi suất tại ngày vay 10,5%, lãi suất thả nổi 03 tháng điều chỉnh 1 lần;
  Tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo là 01 máy xúc lật, 06 xe ô tô Dongfeng hình thành trong tương lai
- Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201100330 15/09/2011
  Hạn mức: 5.000.000.000
  Thời hạn hiệu lực: 60 tháng
  Mục đích vay: Mua máy móc thiết bị
  Lãi suất: Lãi suất thả nổi
  Tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo là quyền đầu tư khai thác mỏ sắt tại Yên Bái

(8) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1420-LAV-201500144 ký ngày 13/04/2015 với các điều khoản:
Thời hạn hiệu lực: 96 tháng;
Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà máy CMISTONE Việt Nam tại Nghệ An;
Lãi suất: Lãi suất tại ngày vay 11%/năm, Lãi suất biến đổi 03 tháng điều chỉnh 1 lần;
Tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng, các công trình thuộc nhà máy CMISTONE Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2016	**160.000.000.000**	**3.167.767.978**	**891.344.168**	**15.589.062.646**	**179.648.174.792**
- Lãi trong năm	-	-	-	(47.282.027.958)	(47.282.027.958)
- Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(72.000.000)	(72.000.000)
31/12/2016	**160.000.000.000**	**3.167.767.978**	**891.344.168**	**(31.764.965.312)**	**132.294.146.834**
01/01/2017	**160.000.000.000**	**3.167.767.978**	**891.344.168**	**(31.764.965.312)**	**132.294.146.834**
- Lỗ trong năm	-	-	-	(118.600.465.518)	(118.600.465.518)
31/12/2017	**160.000.000.000**	**3.167.767.978**	**891.344.168**	**(150.365.430.830)**	**13.693.681.316**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và khoáng sản Việt	18.975.000.000	18.975.000.000
- Các cổ đông khác	141.025.000.000	141.025.000.000
	160.000.000.000	**160.000.000.000**

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	160.000.000.000	160.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ tức đã chia trong năm	-	-

20.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2017 CP	01/01/2017 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.000.000	16.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

20.5 CÁC QUỸ

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	891.344.168	891.344.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	29.631.374.782	4.003.452.192
	29.631.374.782	**4.003.452.192**
Doanh thu với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam	1.743.440.724	-

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng	18.975.825.894	7.774.813.075
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.239.301.222	-
	26.215.127.116	**7.774.813.075**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.675.311	6.969.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	49.338.074
	1.675.311	**56.307.074**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	15.892.558.550	8.881.932.017
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.316.714	65.946.134
Dự phòng các khoản đầu tư	2.803.191.921	-
	18.699.067.185	**8.947.878.151**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	**77.863.965.037**	**9.536.922.505**
Chi phí nhân viên quản lý	981.832.909	3.445.451.380
Chi phí đồ dùng văn phòng	66.028.736	31.067.821
Chi phí khấu hao tài sản cố định	270.189.176	540.907.094
Thuế phí, lệ phí	166.025.701	3.000.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (*)	75.961.621.759	3.524.305.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.231.634	1.385.284.552
Chi phí bằng tiền khác	261.035.122	606.905.898
b. Các khoản chi phí bán hàng	**1.037.821.344**	**1.035.169.424**
Chi phí nhân viên bán hàng	288.643.364	2.533.000
Chi phí bao bì, công cụ dụng cụ	297.767.858	70.356.727
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	7.739.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.544.737	679.256.242
Chi phí bằng tiền khác	426.865.385	275.284.252
	78.901.786.381	**10.572.091.929**

(*) Trong năm công ty có trích lập thêm dự phòng phải thu khó đòi 75.961.621.759 đồng. Các khoản dự phòng này đã được trích lập theo ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc theo Biên bản họp số 06/BBHLT-NB/CMI-2017 ngày 14/10/2017.

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản thu nhập khác	4.652.728.130	289.074.995
	4.652.728.130	**289.074.995**

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí giải phóng mặt bằng mỏ Chấn Hưng	-	16.765.607.533
Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ CCDC không phục vụ sản xuất kinh doanh	10.429.303.598	-
Chi phí khác	18.640.959.461	7.570.471.530
	29.070.263.059	**24.336.079.063**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.187.120.081	8.113.588.015
Chi phí nhân công	2.645.856.098	4.478.706.380
Chi phí dự phòng	76.091.204.647	3.524.305.760
Khấu hao tài sản cố định	5.745.940.186	7.686.876.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	607.409.615	3.067.163.470
Chi phí bằng tiền khác	752.605.939	1.329.055.629
	91.030.136.566	**28.199.695.458**

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lí rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.13.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	**01/01/2017**
	VND	**VND**
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.815.121	2.220.869.999
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.855.848.288	86.189.347.821
Cộng	**49.891.663.409**	**88.410.217.820**

	31/12/2017	**01/01/2017**
	VND	**VND**
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	169.874.996.938	182.485.475.728
Phải trả người bán và phải trả khác	9.480.013.277	16.683.523.248
Chi phí phải trả	26.560.024.011	54.514.113.594
Cộng	**205.915.034.226**	**253.683.112.570**
Trạng thái ròng	**(156.023.370.817)**	**(165.272.894.750)**

Tại ngày 31/12/2017 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lí rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lí rủi ro tài chính (tiếp)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu.

Một số khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này nên rủi ro về giá là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

Quản lý rủi ro thanh khoản

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Vay và nợ	72.245.624.337	97.629.372.601	169.874.996.938
Phải trả người bán và phải trả khác	9.480.013.277	-	9.480.013.277
Chi phí phải trả	26.560.024.011	-	26.560.024.011
Cộng	**108.285.661.625**	**97.629.372.601**	**205.915.034.226**
01/01/2017			
Vay và nợ	78.766.103.127	103.719.372.601	182.485.475.728
Phải trả người bán và phải trả khác	16.683.523.248	-	16.683.523.248
Chi phí phải trả	54.514.113.594	-	54.514.113.594
Cộng	**149.963.739.969**	**103.719.372.601**	**253.683.112.570**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản đầu tư, Công ty lựa chọn đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có độ tín nhiệm cao. Đối với các khoản phải thu, Ban Tổng Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu và đầu tư ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan, giá trị rủi ro tối đa là giá trị trình bày trên Báo cáo tài chính. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.815.121	-	35.815.121
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.725.711.162	32.130.137.126	49.855.848.288
Cộng	**17.761.526.283**	**32.130.137.126**	**49.891.663.409**
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.220.869.999	-	2.220.869.999
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.059.210.695	32.130.137.126	86.189.347.821
Cộng	**56.280.080.694**	**32.130.137.126**	**88.410.217.820**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN KHÁC

30.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại	**384,21**	**344,96**
USD	384,21	344,96

30.2 HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Xóm Nam Sơn, xã Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An với diện tích 56.136,5m2, với mục đích sử dụng đất cụm Công nghiệp, thời hạn sử dụng đất đến hết ngày 08/10/2062, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

30.3 THÔNG TIN VỀ TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Từ năm 2016, Công ty cắt giảm hoạt động kinh doanh khoáng sản, chỉ tập trung vào sản xuất đá tại Nhà máy ốp lát nhân tạo, và từ đầu năm 2017 đến nay Công ty tập trung thực hiện dự án cung cấp và thi công đá Công trình Goldmark, các hoạt động khai thác khoáng sản đều ngừng. Tại ngày 31/12/2017, Tổng Nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán là 146.293.419.609 đồng đã vượt quá Tài sản ngắn hạn 107.207.776.965 đồng trong đó các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đến hạn trả trong năm 2018 là 72.245.624.337 đồng. Đồng thời, khoản lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2017 trên Bảng cân đối kế toán là 150.365.430.830 đồng. Vấn đề này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hiện Công ty đang hoàn thiện các hồ sơ và thực hiện các thủ tục cần thiết để được gia hạn thời gian trả nợ gốc vay với các Hợp đồng vay nói trên. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc Công ty đang xây dựng các phương án kinh doanh để đảm bảo trong năm 2018, Công ty kinh doanh có lãi để bù đắp các khoản lỗ đã phát sinh từ các năm trước. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin rằng các tình hình tài chính của Công ty trong thời gian tới sẽ được cải thiện, rủi ro về khả năng thanh khoản sẽ được kiểm soát. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng, việc sử dụng giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.4 GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của ban Tổng Giám đốc

	Năm 2017 VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	
Tiền lương, thưởng	176.000.000

30.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán, trong năm Công ty đã phát hiện một số sai sót và thực hiện điều chỉnh hồi tố lại một số chỉ tiêu trình bày trên bảng Cân đối kế toán, cụ thể:

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	01/01/2017		
Chỉ tiêu	**Sau điều chỉnh**	**Trước điều chỉnh**	**Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)**
TÀI SẢN			-
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.182.483.343)	(5.905.770.704)	723.287.361
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(723.287.361)	-	(723.287.361)

Nguyễn Hữu Trung	**Trần Thị Hiền**	**Trần Thị Hiền**
Tổng Giám đốc	**Phụ trách Kế toán**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018